|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**§4: PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

- Phép nhân, các tính chất của phép nhân.

- Phép chia hết, phép chia có dư.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS hiểu được ý nghĩa của các phép tính nhân và phép tính chia.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để biết đặt tính để nhân, chia hai số có nhiều chữ số; biết tìm thương và số dư trong phép chia; vận dụng được các tính chất của phép nhân để tính nhanh, tính nhẩm một cách hợp lí; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, phiếu học tập, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Thi tính nhanh

**a) Mục tiêu :**

- HS bước đầu nhớ lại phép nhân, phép chia các số tự nhiên đã biết

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Nhắc lại cách tính diện tích hình chữ nhật.

- Tính diện tích hình chữ nhật.

- Trả lời câu hỏi đầu bài.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào phiếu học tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS nhắc lại cách tính diện tích hình chữ nhật.  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 HS: để tính diện tích một số thửa ruộng.  **PHIẾU HỌC TẬP**  **Câu 1:** Nhắc lại cách tính diện tích hình chữ nhật.  **Câu 2:** Em hãy tính diện tích các thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với cách kích thước như sau và điền kết quả vào bảng dưới:  a) Chiều rộng là 5m, chiều dài là 10m.  b) Chiều rộng là 2m, chiều dài là 8m.  c) Chiều rộng là 4m, chiều dài là 20m.  d) Chiều rộng là 12m, chiều dài là 25m.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhóm | Diện tích thửa ruộng | | | | | a) | b) | c) | d) | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |   **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhắc lại cách tính diện tích hình chữ nhật đã được học ở tiểu học.  - Thảo luận nhóm viết các kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Một thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là 150m và chiều dài là 250m. Người ta chia thửa ruộng đó thành 4 phần bằng nhau để gieo trồng những giống lúa khác nhau. Vậy diện tích mỗi phần là bao nhiêu mét vuông? | **PHIẾU HỌC TẬP**  **Câu 1:** Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng.  **Câu 2:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhóm | Diện tích thửa ruộng | | | | | a) | b) | c) | d) | | 1 | 50 | 16 | 80 | 300 | |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 40 phút)

**Hoạt động 2.1: Phép nhân** (khoảng 20 phút)

**2.1.1. Nhân hai số có nhiều chữ số** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS học được:

- Cách sử dụng các thuật ngữ phép nhân: thừa số, tích.

- Khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân.

- Cách đặt tính nhân.

**b) Nội dung:**

- GV nhắc lại phép nhân đã được học ở tiểu học:

- Học sinh được yêu cầu

+ Đọc phần “Quy ước” SGK/18

+ Làm bài tập: đặt tính để tính tích: .

**c) Sản phẩm:** “Quy ước” và kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV nhắc lại phép nhân đã được học ở tiểu học.  - Yêu cầu HS đọc và ghi “quy ước” trong SGK  - GV hướng dẫn lại cho HS cách đặt phép nhân: HĐ1:  và VD1: .  - GV yêu cầu một HS làm LT1: đặt tính để tính tích trên bảng, các HS còn lại làm vào vở.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc và ghi “quy ước” trong SGK.  - HS lắng nghe và quan sát GV hướng dẫn cách đặt phép nhân và ghi chép.  - HS làm cá nhân LT1: đặt tính để tính tích .  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  - GV chốt lại phần “quy ước” và cách đặt tính để tính tích hai số có nhiều chữ số. | **I. PHÉP NHÂN**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a |  | b | = | c | | (thừa số) |  | (thừa số) |  | (tích) |   **Quy ước:**  - Trong phép nhân, ta có thể thay dấu ”” bắng dấu “ ”  VD:  - Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không cần viết dấu nhân giữa các thừa số.  VD:  **1. Nhân hai số có nhiều chữ số**  HĐ1: Tính      Vậy  VD1: đặt tính để tính tích      Vậy  LT1: đặt tính để tính tích      Vậy |

**2.1.2. Tính chất của phép nhân** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được tính chất của phép nhân và kĩ năng tính nhanh.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu

- Đọc kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.

- Làm LT2, LT3 (SGK/19).

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Tính chất của phép nhân.

- Lời giải LT2, LT3 (SGK/19).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS đọc kiến thức trọng tâm và ghi nhớ (HĐ3 SGK/19).  - GV yêu cầu HS đọc VD2 và trả lời các câu hỏi: Trong VD2 đã sử dụng tính chất nào?  - GV chia nhóm 2 HS và yêu cầu HS làm LT2 (SGK/19).  - GV yêu cầu HS làm cá nhân LT3 (SGK/19).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc VD2 và trả lời câu hỏi của GV.  - HS đọc kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.  - HS làm LT2, LT3 (SGK/19).  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - LT2: làm tương tự như VD2.  - LT3:  + Một con gà ăn 105g thức ăn trong một ngày. Hỏi 80 con gà ăn bao nhiêu thức ăn trong một ngày?  + Hỏi 10 ngày thì 80 con gà ăn bao nhiêu thức ăn?  + Chú ý đơn vị của đề bài.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn hai nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên bảng trình bày (có thể cho mỗi nhóm trình bày một câu).  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chốt lại tính chất của phép nhân cho HS ghi bài, trong trình bày bài làm ta có thể vừa áp dụng tính giao hoán vừa áp dụng tính kết hợp.  - GV chính xác hóa kết quả của LT2, LT3. | **2. Tính chất của phép nhân**  Phép nhân các số tự nhiên có các tính chất sau:  - Giao hoán:  - Kết hợp:  - Nhân với số 1:  - Phân phối đối với phép cộng và phép trừ:    **Lưu ý:** Do tính chất kết hợp nên giá trị của biểu thức  có thể được tính theo một trong hai cách sau:    hoặc  VD2: Tính một cách hợp lí      LT2:      LT3: Số thức ăn mà 80 con gà ăn trong một ngày:  Số thức ăn mà 80 con gà ăn trong 10 ngày:  Vậy số ki-lô-gam thức ăn mà gia đình đó cần cho đàn ăn trong 10 ngày là: |

**Hoạt động 2.2: Phép chia** (khoảng 18 phút)

**2.2.1. Phép chia hết** (khoảng 8 phút)

**a) Mục tiêu:** HS học được

- Cách sử dụng các thuật ngữ phép nhân: số bị chia, số chia, thương.

- Cách đặt tính chia.

**b) Nội dung:**

- Nhắc lại phép chia hết đã được học ở tiểu học:

- Giải thích khung lưu ý cho HS (SGK/19).

- Hướng dẫn HS đặt phép tính chia.

- Làm LT4.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Phép chia và khung lưu ý.

- Lời giải bài LT4 (SGK/20).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV giới thiệu phép chia hết, giải thích khung lưu ý, hướng dẫn HS làm HĐ3.  - GV yêu cầu HS làm VD3, LT4 (SGK/20)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - Số bị chia bằng số chia nhân với thương.  - Số chia bằng số bị chia chia cho thương.  - GV hướng dẫn HS tập ước lượng tìm thương trong phép chia  VD:  Có thể lấy 2 chia 2 được 1.  Có thể lấy 7 chia 2 được 3.  Có thể lấy 8 chia 2 được 4.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Một HS lên bảng làm LT4.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của LT4. | **II. PHÉP CHIA**  **1. Phép chia hết**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | : | b | = | c | | (số bị chia) |  | (số chia) |  | (thương) |   **Lưu ý:**  • Nếu  thì .  • Nếu  và  thì .  HĐ3: Tính   |  |  | | --- | --- | | 2795 | 215 | | 645  0 | 13 |   Vậy .  VD3: Đặt tính để tính thương .   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | 4 | 7 | 3 | 2 | 116 | |  | 3 | 1 | 3 |  | 13 | |  |  | 8 | 1 | 2 |  | |  |  |  |  | 0 |  |   Vậy .  LT4:Đặt tính để tính thương .   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | 3 | 9 | 0 | 0 | 4 | 236 | |  | 2 | 1 | 0 | 0 |  | 589 | |  |  | 2 | 1 | 2 | 4 |  | |  |  |  |  |  | 0 |  |   Vậy . |

**2.2.2. Phép chia có dư** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:** HS học được:

- Cách sử dụng các thuật ngữ phép nhân: số bị chia, số chia, thương, số dư.

- Các trường hợp của phép chia.

- Đọc và viết kí hiệu của phép chia có dư.

**b) Nội dung:**

- GV hướng dẫn HĐ4, VD4.

- HS được yêu cầu đọc nội dung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ.

- GV lưu ý các trường hợp của phép chia trong khung lưu ý.

- Vận dụng làm bài LT5 (SGK/20).

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Nội dung kiến thức trọng tâm.

- Khung lưu ý.

- Lời giải LT5 (SGK/20).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện HĐ4 (SGK/20).  - Từ đó dẫn dắt HS đến lý thuyết phép chia có dư.  - Thực hiện VD4 (SDG/20).  - Làm bài LT5 (SGK/20)  - GV giải quyết bài toán mở đầu  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - LT5 HS làm theo cặp đôi.  - Cùng GV giải quyết bài toán mở đầu.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - Trong phần VD4 GV nhấn mạnh do 26 nhỏ hơn 34 nên ta không thể thực hiện tiếp phép chia. Từ đó kết luận kết quả của phép chia.  - Bài toán mở đầu:  + Tính diện tích thửa ruộng.  + Thực hiện phép chia để trả lời bài toán.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Cặp đôi nhanh nhất trình bày kết quả phần LT5.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chốt lại kiến thức trọng tâm và khung lưu ý.  - GV chính xác hóa kết quả của LT5.  - GV giải quyết bài toán mở đầu | **2. Phép chia có dư**  Cho hai số tự biên . Khi đó luôn tìm được hai số tự nhiên  sao cho , trong đó .  **Lưu ý:**  • Khi  ta có phép chia hết.  • Khi  ta có phép chia có dư. Ta nói: a chia cho b được thương là q và số dư là r. Kí hiệu: .  VD4: đặt để tính thương và số dư trong phép chia   |  |  | | --- | --- | | 2542 | 34 | | 162  26 | 74 |   Vậy  (dư 26).  LT5: Đặt tính để tính thương và số dư trong phép chia   |  |  | | --- | --- | | 5125 | 320 | | 1925  5 | 16 |   **Bài toán mở đầu:**  - Diện tích thửa ruộng là:    - Diện tích mỗi phần là: |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học lại cách đặt phép nhân, phép chia.

- Học thuộc: tính chất của phép nhân, phép chia có dư, cùng các phần lưu ý (dưới dạng lời văn và công thức tổng quát).

- Làm BT1, BT2 (SGK/21) vào vở.

**PHIẾU BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài 1 :** Điền số thích hợp vào ô trống trong bảng dưới đây :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| a | 56 | 12 | 75 | 63 | 16 | 36 |  |  |
| b | 7 | 4 | 15 | 3 |  |  | 5 | 12 |
|  |  |  |  |  | 256 | 432 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | 105 | 144 |

**Bài 2:** Điền số thích hợp vào ô trống trong bảng dưới đây, biết :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| a | 328 |  | 982 | 1005 |
| b | 32 | 12 |  |  |
| q |  | 11 | 20 | 125 |
| r |  | 9 | 42 |  |

**Bài 3 :** Phân xưởng sản xuất A gồm 25 công nhân, mỗi người làm trong một ngày được 40 sản phẩm. Phân xưởng sản xuất B có số công nhân nhiều hơn phân xưởng A là 5 người nhưng mỗi người làm trong 1 ngày chỉ được 30 sản phẩm. Tính tổng số sản phẩm cả hai phân xưởng đó làm được trong 1 ngày.

**Tiết 2**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (khoảng 33 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được cách đặt phép nhân, phép chia; tính chất của phép nhân, phép chia hết, phép chia có dư để làm các bài tập về phép nhân, phép chia các số tự nhiên; giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm BT1 đến BT8 (SGK/21).

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ BT1 đến BT8 (SGK/21).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng viết tính chất của phép nhân.  - Làm các bài tập: BT1, BT2 (SGK/21)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - GV yê cầu lần lượt từng HS lên bảng làm BT1, BT2 (SGK/21).  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - Sử dụng tính chất của phép nhân, qua các VD đã được học.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS lên bảng làm BT1, BT2 (SGK/21).  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Tính chất của phép nhân**  Phép nhân các số tự nhiên có các tính chất sau:  - Giao hoán:  - Kết hợp:  - Nhân với số 1:  - Phân phối đối với phép cộng và phép trừ:    **BT1 (SGK/21)**    **Dạng 1 : Tính nhanh**  **BT2 (SGK/21)** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS xem lại HĐ1, VD1, HĐ3, VD3.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS xem lại các HĐ và VD.  - HS làm BT3 (SGK/21).  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu từng HS lần lượt lên bảng thực hiện.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 2 : Đặt phép tính**  **BT3 (SGK/21)**  a)   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  | 4 | 0 | 9 | |  |  | 2 | 1 | 5 | |  | 2 | 0 | 4 | 5 | |  | 4 | 0 | 9 |  | | 8 | 1 | 8 |  |  | | 8 | 7 | 9 | 3 | 5 |   Vậy  b)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 5 | 4 | 3 | 2 | 2 | 346 | | 1 | 9 | 7 | 2 |  | 157 | |  | 2 | 4 | 2 | 2 |  | |  |  |  |  | 0 |  |   Vậy  c)   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | 2 | 3 | 2 | 5 | 7 | 404 | |  |  | 2 | 0 | 5 |  | 305 | |  |  | 2 | 0 | 5 | 7 |  | |  |  |  |  | 3 | 7 |  |   Vậy  (dư 37) |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**  - Làm BT4 (SGK/21).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện yêu cầu trên (có thể làm theo cặp đôi).  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - BT4: đổi . Sau đó thực hiện phép tính .  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV giáo dục HS giữ gìn sức khỏe.  - GV lưu ý cho những HS không nhớ cách đổi đơn vị. | **Dạng 3: Toán thực tế**  **BT4 (SGK/21)**    Số gói Oresol cần dùng là:  (gói). |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm BT8 (SGK/21).  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - GV hướng dẫn trên bảng chiếu cách thực hiện phép nhân, phép chia bằng MTCT.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 1 HS đứng tại chỗ trả lời.  - Cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 4: Sử dụng MTCT**  **BT8 (SGK/21)** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học phép nhân, tính chất của phép nhân, phép chia các số tự nhiên để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hàng ngày.

**b) Nội dung:**

- Làm BT5, BT6 (SGK/21).

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở: BT5, BT6 (SGK/21).

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Làm bài BT5, BT6 (SGK/21)  - Yêu cầu HS nhắc một số trường hợp đổi đơn vị đo.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:**  - BT5: Tìm số dư trng phép chia , từ đó tìm ra đáp án.  - BT6: Đổi  ra đơn vị .  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Lần lượt từng HS lên bảng làm bài.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của BT5, BT6.  - GV nhấn mạnh lại cách đổi đơn vị đo.  - GV giáo dục HS:  + BT5: giáo dục về mặt kinh tế trong việc thuê xe hợp lí.  + BT6: cách nhân, cách đọc số tự nhiên có nhiều số “0”, kiến thức liên môn. | **BT5 (SGK/21)**  (dư 40)  Vậy ta chỉ cần thuê 3 xe.  **BT6 (SGK/21)**    Số lục lạp có trên một chiếc là thầu dầu có diện tích khoảng là: |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Học lại cách đặt phép nhân, phép chia.

- Học thuộc: tính chất của phép nhân, phép chia có dư, cùng các phần lưu ý (dưới dạng lời văn và công thức tổng quát).

- Xem lại toàn bộ bài tập đã giải.

- Làm BT7 (SGK/21)v vào vở.

**PHIẾU BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài 1 :** Tính nhanh :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**Bài 2 :** Điền số thích hợp vào ô trống trong bảng dưới đây: Bảng giá nhập các loại rau của một nhà hàng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại hàng | Số lượng (kg) | Giá đơn vị (đồng/kg) | Tổng số tiền (đồng) |
| 1 | Bắp cải | 12 | 8000 | ... |
| 2 | Giá đỗ | 15 | 25000 | ... |
| 3 | Rau ngót | 7 | 12000 | ... |
| 4 | Rau muống | 20 | 8000 | ... |
| Cộng | | | | ... |

**Bài 3:** Bạn Nam có 25 000 đồng. Nam muốn mua một cái bút giá 4 000 đồng và 9 quyển vở loại 2 200 đồng một quyển. Hỏi sau khi mua xong thì Nam còn thừa lại bao nhiêu tiền?

**Bài 4 :** Tìm x, biết :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |